

DỰ THẢO

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về lĩnh vực công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Đồng Nai là tỉnh nằm trong vùng phát triển kinh tế trọng điểm phía Nam, Việt Nam. Tỉnh có tổng diện tích là 5.903,4 km², chiếm 1,76% diện tích tự nhiên cả nước và chiếm 25,5% diện tích tự nhiên của vùng Đồng Nam Bộ. Với hệ thống giao thông kết nối thuận tiện với nhiều tuyến đường huyết mạch quốc gia như quốc lộ 1A, quốc lộ 20, quốc lộ 51; tuyến đường sắt Bắc - Nam; gần cảng Sài Gòn, sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất và tương lai không xa là sân bay quốc tế Long Thành được hình thành, đã đã giúp cho hoạt động kinh tế, giao thương giữa Đồng Nai với cả nước được trở nên dễ dàng hơn, gắn kết giữa vùng Đồng Nam Bộ với Tây Nguyên. Tính đến năm 2021, Đồng Nai có 31 khu công nghiệp đã đi vào hoạt động ở tất cả các ngành nghề, như: điện – điện tử; cơ khí; may mặc; gỗ; hóa chất, ... tỷ lệ lấp đầy bình quân lên đến 82% diện tích. Đồng thời các KCN Đồng Nai thu hút 1.363 dự án FDI với tổng đăng ký hơn 27 tỷ USD. Vì vậy, để các doanh nghiệp luôn tiếp cận các công nghệ mới, công nghệ tiên tiến trong quá trình sản xuất để tạo ra các sản phẩm chất lượng, giàu tính cạnh tranh là điều rất cần thiết nhất là trong thời buổi cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Trong giai đoạn 2010 - 2015 và 20160 - 2020, UBND tỉnh đã ban hành 02 Quyết định, cụ thể: Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 26/7/2011 và Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 về việc triển khai Chương trình Khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, bảo hộ sở hữu trí tuệ trong quá trình hội nhập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Qua quá trình triển khai thực hiện, Chương trình đã thực hiện hỗ trợ 32 đơn vị thực hiện nội dung nghiên cứu, đầu tư đổi mới công nghệ, thực hiện chuyển giao công nghệ và tiết kiệm năng lượng, với tổng số tiền là **1.257.700.000 đồng** (cụ thể: Hỗ trợ Hợp tác xã dịch vụ đầu tư phát triển nông nghiệp xanh (Cầm Mỹ) thực hiện Nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ chuyển đổi giống nhanh cho nhà vườn trồng sầu riêng và cà phê giống cũ ở Đồng Nai với, số tiền: 98.622.600 đồng; Hỗ trợ Doanh nghiệp tư nhân Tâm Phát (tp. Biên Hòa) thực hiện Nghiên cứu chế tạo và lắp đặt hệ thống công nghệ xử lý khói bụi và khí thải trong sản xuất gốm đất đen đạt chuẩn môi trường, số tiền: 210.810.000 đồng; Hỗ trợ Hợp tác xã Liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản sạch Thanh Bình (huyện Trảng Bom) thực hiện Hỗ trợ chuyển giao công nghệ: Tư vấn dịch vụ kho lạnh, thiết bị và công nghệ làm chuỗi chín, số tiền: 139.800.000 đồng;

...). Tuy nhiên, các chính sách nêu trên đến nay đều đã hết hiệu lực do kết thúc giai đoạn.

Ngày 19/6/2017, Quốc hội thông qua Luật Chuyển giao công nghệ tại kỳ họp thứ 3, trong đó có nội dung biện pháp khuyến khích chuyển giao công nghệ, thúc đẩy ứng dụng, đổi mới công nghệ. Để cụ thể hóa nội dung nêu trên, Thủ tướng chính phủ đã ban hành Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 25/01/2021 về Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030 và UBND tỉnh cũng đã ban hành Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 về việc phê duyệt Chương trình đổi mới công nghệ tỉnh Đồng Nai đến năm 2030. Tại quyết định đã đề ra các mục tiêu cụ thể đạt được:

- Số lượng doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ tăng trung bình 10%/năm.

- 30% các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm hình thành tổ chức nghiên cứu và phát triển; có từ 02 đến 03 ngành sản xuất sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm làm chủ hoặc tạo ra được công nghệ tiên tiến trong chuỗi giá trị để sản xuất ra các sản phẩm, có giá trị gia tăng và tính cạnh tranh cao trên thị trường.

- Các doanh nghiệp đổi mới công nghệ có năng suất lao động cao hơn ít nhất 1,5 lần năng suất lao động khi chưa đổi mới công nghệ.

- Khoảng 1.000 kỹ sư, kỹ thuật viên và cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp được tập huấn, đào tạo về quản lý công nghệ, quản trị công nghệ và cập nhật công nghệ mới ở các lĩnh vực chủ lực, trọng điểm thông qua hình thức tại chỗ và trực tuyến. *(Ghi chú: các chỉ tiêu đề ra đạt được đến năm 2030).*

Do hiện nay, tỉnh Đồng Nai chưa có chính sách riêng nào để hỗ trợ kinh phí trong việc nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ tại doanh nghiệp. Đồng thời, trên cơ sở tham khảo nội dung nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về lĩnh vực công nghệ của các địa phương (cụ thể: Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/9/2021 của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh Bình Phước, Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình, Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An, Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa.

Đồng thời, theo quy định Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành Nghị quyết để quy định: Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.*”

Vì vậy, để hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh thực hiện việc nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong quá trình hoạt động, tạo ra các sản phẩm chất lượng giàu tính cạnh tranh, cũng như triển khai hiệu quả các nhiệm vụ quy định tại Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Chương trình đổi mới công nghệ tỉnh Đồng Nai đến năm 2030; bảo đảm các hoạt động tổ chức, triển khai việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán thực hiện các nhiệm vụ

hỗ trợ doanh nghiệp về lĩnh vực công nghệ trên địa bàn tỉnh phù hợp theo quy định pháp luật thì việc xây dựng “***Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về lĩnh vực công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030***” là cần thiết và cấp thiết thực hiện.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

a) Mục tiêu tổng thể

Việc ban hành chính sách tại địa phương nhằm đảm bảo thi hành văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2030.

b) Mục tiêu cụ thể

Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện việc nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong quá trình sản xuất. Đồng thời đạt được các chỉ tiêu đã đề ra, cụ thể:

- Đóng góp vào mục tiêu số lượng doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh tăng trung bình 10%/năm.

- 30% các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm hình thành tổ chức nghiên cứu và phát triển; có từ 02 đến 03 ngành sản xuất sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm làm chủ hoặc tạo ra được công nghệ tiên tiến trong chuỗi giá trị để sản xuất ra các sản phẩm, có giá trị gia tăng và tính cạnh tranh cao trên thị trường.

- Các doanh nghiệp đổi mới công nghệ có năng suất lao động cao hơn ít nhất 1,5 lần năng suất lao động khi chưa đổi mới công nghệ.

- Khoảng 1.000 kỹ sư, kỹ thuật viên và cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp được tập huấn, đào tạo về quản lý công nghệ, quản trị công nghệ và cập nhật công nghệ mới ở các lĩnh vực chủ lực, trọng điểm thông qua hình thức tại chỗ và trực tuyến.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Xây dựng, triển khai lộ trình nâng cao năng lực công nghệ

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030, trong đó có đề cập nội dung “*Hỗ trợ xây dựng và thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ cho các tổ chức, doanh nghiệp*”. Tỉnh Đồng Nai là một tỉnh công nghiệp với hơn 50.000 doanh nghiệp đang hoạt động, chịu ảnh hưởng từ các nội dung đề ra bởi Quyết định số 118/QĐ-TTg. Do đó, để tạo điều kiện cho các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từng bước thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ (quá trình xác định mục tiêu, nội dung đổi mới công nghệ; trình tự, phưng án sử dụng nguồn lực để thực hiện các hoạt động đổi mới công nghệ trong một khoảng thời gian xác định) đáp ứng được các mục tiêu đề ra cần thiết phải xây dựng chính sách hỗ trợ cho các tổ chức, doanh nghiệp.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Nhà nước hỗ trợ hoàn toàn hay một phần chi phí để giúp doanh nghiệp thực hiện việc xây dựng, triển khai lộ trình nâng cao năng lực công nghệ; nâng cao năng lực quản lý công nghệ, quản trị công nghệ cho các kỹ thuật viên và cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Hỗ trợ hoàn toàn hay một phần kinh phí cho doanh nghiệp khi đảm bảo các nội dung sau:

1.3.1. Điều kiện hỗ trợ:

- a) Doanh nghiệp trong nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;
- b) Các loại hình tổ chức khác có nguồn vốn trong nước hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo quy định của pháp luật;
- c) Có phiếu đăng ký, báo cáo kết quả thực hiện và đảm bảo thực hiện đúng các nội dung đã đề xuất đúng theo quy định của pháp luật

1.3.2. Nguyên tắc hỗ trợ

- a) Việc hỗ trợ phải đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, hiệu quả, đúng mục đích, không trùng lặp.
- b) Trường hợp cùng một nội dung, đối tượng áp dụng đồng thời đáp ứng điều kiện được hỗ trợ theo quy định của Nghị quyết này và chính sách khác áp dụng trên địa bàn tỉnh, thì đối tượng áp dụng được lựa chọn một (01) chương trình hỗ trợ phù hợp nhất.
- c) Trường hợp một tổ chức, doanh nghiệp thực hiện nhiều nội dung khác nhau của chính sách thì sẽ được hưởng các chính sách hỗ trợ theo từng nội dung nếu đủ các điều kiện.
- d) Tổ chức, doanh nghiệp được nhận hỗ trợ phải đảm bảo sử dụng nguồn hỗ trợ đúng mục đích, đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu hiện hành và báo cáo việc sử dụng chi tiết nguồn hỗ trợ cho Sở Khoa học và Công nghệ hàng năm.

1.3.3. Mức hỗ trợ

- Hỗ trợ xây dựng và thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ cho các tổ chức, doanh nghiệp: *Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ và không quá 100 triệu đồng/ hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa và lớn.*

- Hỗ trợ tổ chức đào tạo và hỗ trợ đào tạo về quản lý công nghệ, quản trị công nghệ, cập nhật công nghệ cho doanh nghiệp mới; tạo điều kiện, hỗ trợ thực hiện các hình thức đào tạo, bồi dưỡng tại chỗ và trực tuyến cho các kỹ thuật viên và cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp: *Hỗ trợ 50% tổng kinh phí nhưng không quá 100 triệu đồng/lớp.*

2. Chính sách 2: Nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ công nghệ tiên tiến trong việc sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị và có tính cạnh tranh cao trên thị trường

2.1. Xác định vấn đề bất cập

Tại Chương IV Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 có nội dung: “*Biện pháp khuyến khích chuyển giao công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ*”, cụ thể hóa nội dung này ngày 25/01/2021 Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030 tại Quyết định số 118/QĐ-TTg, trong đó đề cập nội dung “*Nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ công nghệ tiên tiến trong việc sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị và có tính cạnh tranh cao trên thị trường; hỗ trợ đào tạo, thuê chuyên gia thiết kế, sản xuất sản phẩm mới và thay đổi quy trình công nghệ để tạo ra các sản phẩm có sức tiêu thụ lớn, chiếm lĩnh thị trường trong nước*”. Tỉnh Đồng Nai là một tỉnh công nghiệp với 31 khu công nghiệp đang hoạt động ở tất cả ngành nghề, như: điện – điện tử; cơ khí; may mặc; gỗ; hóa chất, Tuy nhiên, đến nay Trung ương chỉ ban hành quy định nhưng chưa có chính sách hỗ trợ thực hiện các nội dung này cho doanh nghiệp, do đó gây khó khăn cho địa phương trong quá trình triển khai thực hiện các nội dung này. Do đó, để đảm bảo địa phương thực hiện hiệu quả các nội dung nêu trên đồng thời góp một phần hỗ trợ doanh nghiệp trong việc thực hiện nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ công nghệ tiên tiến trong việc sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị và có tính cạnh tranh cao trên thị trường; hỗ trợ đào tạo, thuê chuyên gia thiết kế, sản xuất sản phẩm mới và thay đổi quy trình công nghệ để tạo ra các sản phẩm có sức tiêu thụ lớn, chiếm lĩnh thị trường trong nước là cần thiết phải xây dựng chính sách hỗ trợ.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Nhà nước hỗ trợ hoàn toàn hay một phần chi phí để giúp doanh nghiệp thực hiện việc nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong quá trình sản xuất các sản phẩm có giá trị tăng cao trong chuỗi giá trị và có tính cạnh tranh cao trên thị trường.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Hỗ trợ hoàn toàn hay một phần kinh phí cho doanh nghiệp khi đảm bảo các nội dung sau:

2.3.1. Điều kiện hỗ trợ:

- a) Doanh nghiệp trong nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;
- b) Các loại hình tổ chức khác có nguồn vốn trong nước hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo quy định của pháp luật;
- c) Có phiếu đăng ký, báo cáo kết quả thực hiện và đảm bảo thực hiện đúng các nội dung đã đề xuất đúng theo quy định của pháp luật;

2.3.2. Nguyên tắc hỗ trợ

- a) Việc hỗ trợ phải đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, hiệu quả, đúng mục đích, không trùng lặp.
- b) Trường hợp cùng một nội dung, đối tượng áp dụng đồng thời đáp ứng điều kiện được hỗ trợ theo quy định của Nghị quyết này và chính sách khác áp dụng

trên địa bàn tỉnh, thì đối tượng áp dụng được lựa chọn một (01) chương trình hỗ trợ phù hợp nhất.

c) Trường hợp một tổ chức, doanh nghiệp thực hiện nhiều nội dung khác nhau của chính sách thì sẽ được hưởng các chính sách hỗ trợ theo từng nội dung nếu đủ các điều kiện.

d) Tổ chức, doanh nghiệp được nhận hỗ trợ phải đảm bảo sử dụng nguồn hỗ trợ đúng mục đích, đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu hiện hành và báo cáo việc sử dụng chi tiết nguồn hỗ trợ cho Sở Khoa học và Công nghệ hàng năm.

2.3.3. Mức hỗ trợ

- Hỗ trợ kinh phí thực hiện các nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ các công nghệ tiên tiến, sản xuất thử nghiệm để hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao tính năng, chất lượng sản phẩm, đổi mới thiết bị, dây chuyền, quy trình công nghệ tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị và có tính cạnh tranh cao trên thị trường (bao gồm cả chi phí mua thiết bị, máy móc; chi phí chuyển giao kỹ thuật (nếu có); chi phí thuê chuyên gia (nếu có); chi phí đào tạo, tập huấn, ...): *Hỗ trợ 30% tổng kinh phí thực hiện dự án nhưng không quá 1 tỷ đồng/doanh nghiệp.*

- Hỗ trợ kinh phí chuyển giao công nghệ, mua thiết kế, thuê chuyên gia nước ngoài, đào tạo nguồn nhân lực: *Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.*

- Hỗ trợ kinh phí thúc đẩy hoạt động hợp tác giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ để tìm kiếm, chuyển giao, ứng dụng, làm chủ, giải mã các công nghệ mới, tiên tiến: *Hỗ trợ 50% tổng kinh phí nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.*

- Hỗ trợ hoạt động hợp tác giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ để triển khai các dự án đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển hạ tầng phục vụ nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới công nghệ: *Hỗ trợ 50% tổng kinh phí nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.*

- Hỗ trợ việc triển khai ứng dụng các công nghệ tiên tiến, các mô hình quản trị, sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp theo hướng sản xuất thông minh trong sản xuất tạo ra các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị và có tính cạnh tranh cao trên thị trường: *Hỗ trợ 30% tổng kinh phí nhưng không quá 100 triệu đồng/doanh nghiệp.*

- Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp nhận, chuyển giao, nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm, ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến; hỗ trợ đào tạo, thuê chuyên gia thiết kế, sản xuất sản phẩm mới và thay đổi quy trình công nghệ để tạo ra các sản phẩm có sức tiêu thụ lớn, chiếm lĩnh thị trường trong nước: *Hỗ trợ 30% tổng kinh phí nhưng không quá 500 triệu đồng/doanh nghiệp.*

- Hỗ trợ Ứng dụng công nghệ tiên tiến, tự động hóa các mô hình canh tác nông nghiệp thông minh, công nghệ sau thu hoạch và chế biến sản phẩm nông nghiệp; cải tạo giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, thích ứng

với biến đổi khí hậu; nâng cao công nghệ tạo giống, kỹ thuật canh tác, nuôi trồng và kiểm soát dịch bệnh ở quy mô lớn tại các vùng nông thôn, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn: *Hỗ trợ 30% tổng kinh phí nhưng không quá 500 triệu đồng/doanh nghiệp.*

- Hỗ trợ đổi mới công nghệ phát triển các ngành nghề, làng nghề truyền thống: *Hỗ trợ 30% tổng kinh phí nhưng không quá 500 triệu đồng/doanh nghiệp.*

- Hỗ trợ các điểm kết nối cung cầu công nghệ trong các hoạt động như chuyển giao công nghệ, kết nối dịch vụ, hỗ trợ kỹ thuật trong triển khai ứng dụng công nghệ, kết nối với thị trường (*bao gồm: chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển, đi lại, ăn ở, ...*): Hỗ trợ 100% kinh phí nhưng không quá 50 triệu đồng/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức trong nước và không quá 70 triệu đồng/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức ở nước ngoài.

- Hỗ trợ chi phí quảng bá sản phẩm tạo thành từ ứng dụng công nghệ, tìm kiếm, kết nối với các đối tác trong và ngoài nước, nâng cao năng lực phổ biến và nhân rộng mô hình ứng dụng thành công: Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng nhưng không quá 20 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

Đối tượng chịu sự tác động của chính sách: Các doanh nghiệp trong nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Các loại hình tổ chức khác có nguồn vốn trong nước hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo quy định của pháp luật;

4.1. Lợi ích

- a) Chính sách được ban hành sẽ là công cụ pháp lý cao, tạo sự minh bạch, rõ ràng hiệu quả nhằm thúc đẩy doanh nghiệp đẩy mạnh việc nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong quá trình sản xuất.

- b) Nâng cao được hiệu quả quản lý nhà nước về lĩnh vực công nghệ trên địa bàn tỉnh.

4.2. Tác động về tài chính

- a) Tích cực: Hỗ trợ hoàn toàn hay một phần kinh phí cho doanh nghiệp trong việc nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong quá trình sản xuất.

- b) Tiêu cực: Phát sinh chi phí từ ngân sách nhà nước cho việc thực hiện chính sách. Tuy nhiên, các chi phí phát sinh này sẽ làm tăng khả năng sản xuất của doanh nghiệp, đẩy mạnh việc phát triển kinh tế tại địa phương.

4.3. Tác động về xã hội

Việc thực hiện chính sách hỗ trợ kết hợp các chính sách khác của nhà nước hiện nay thúc đẩy quá trình đổi mới công nghệ của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh góp phần nâng cao trình độ, nâng cao giá trị sản phẩm đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường.

4.4. Tác động về thủ tục hành chính

Chính sách không làm phát sinh về thủ tục hành chính.

4.5. Tác động về môi trường

Việc hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong quá trình sản xuất sẽ thúc đẩy và hiệu quả hơn trong việc giảm các tác động tiêu cực gây ra trong quá trình sản xuất của doanh nghiệp đối với môi trường.

4.6. Tác động về hệ thống pháp luật

a) Không ban hành thêm, chỉ hỗ trợ thúc đẩy việc thực thi các quy định về nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ của doanh nghiệp tại địa phương theo Luật Chuyển giao công nghệ, Quyết định 118/QĐ-TTg ngày 25/01/2021 của Thủ tướng chính phủ và Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Thể hiện đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong việc hài hòa giữa thực thi pháp luật và đẩy mạnh quá trình sản xuất của doanh nghiệp tại địa phương.

4.7. Tác động về giới: Quy định không hạn chế quyền tham gia của phụ nữ, nam giới.

4.8. Tác động đến doanh nghiệp

Chính sách ban hành giúp doanh nghiệp có một phần kinh phí trong việc nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong hoạt động sản xuất.

5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề).

a) Dựa trên cơ sở đánh giá tác động về kinh tế, xã hội, giới, thủ tục hành chính và tác động đối với hệ thống pháp luật, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thực hiện giải pháp đề xuất nhằm đảm bảo tính hiệu quả trong công tác quản lý của nhà nước, thực thi pháp luật và an sinh xã hội tại địa phương.

b) Đề xuất hình thức tổ chức thực hiện

- Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua chính sách.

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ doanh nghiệp về lĩnh vực công nghệ.

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định triển khai thực hiện Nghị quyết, giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tổ chức thẩm định xét duyệt hồ sơ hỗ trợ.

III. Ý KIẾN THAM VẤN

Cơ quan chủ trì soạn thảo Văn bản (Sở Khoa học và Công nghệ) gửi lấy ý kiến các sở, ban ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan đồng thời thực hiện đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh 30 ngày để lấy ý kiến của các tổ chức, cá nhân, lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động của chính sách. Sau khi tổng hợp ý kiến góp ý của các sở ban ngành, địa phương và các đơn vị liên quan, cơ quan chủ trì, soạn thảo báo cáo tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến điều chỉnh hoàn thiện hồ sơ gửi Sở Tư pháp thẩm định. Sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp,

tiếp tục hoàn thiện tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh gửi các Ban của Hội đồng nhân dân thẩm định trước khi trình Hội đồng nhân dân quyết định.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Cơ quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết: Ủy ban nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân các huyện/thành phố phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện chính sách, báo cáo tiến độ thực hiện Nghị quyết về Ủy ban nhân dân tỉnh. Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn, theo dõi, tổ chức thi hành chính sách; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình và kết quả thực hiện việc hỗ trợ theo chính sách, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh vào kỳ họp cuối năm.

2. Cơ quan giám sát: Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội giám sát, đánh giá việc thi hành chính sách.

V. PHỤ LỤC

- Bảng 1: Tổng hợp các chỉ tiêu thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp về lĩnh vực công nghệ đến năm 2030.

- Bảng 2: Dự toán kinh phí thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp về lĩnh vực công nghệ đến năm 2030.

Nơi nhận:

- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, Khoa học và Công nghệ;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Hoàng